TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH TÂN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 19 - 8 - 2019
V/v tranh chấp "ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Kim Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Mỹ.

2. Ông Nguyễn Tấn Phong.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trí - là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long*: không tham gia phiên tòa*.

Ngày 19 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 150/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2019; về tranh chấp: "*ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2019/QĐXX-ST ngày 05 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **L**, sinh năm 1987 (có mặt).

HKTT: ấp N, xã L, huyện P, tỉnh Vĩnh Long.

Tạm trú: ấp B, xã M, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Anh **C**, sinh năm 1985 (có mặt).

ĐC: ấp N, xã L, huyện P, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/6/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị L trình bày:

Chị và anh C thành hôn vào năm 2012, hôn nhân do hai bên được mai mối, sau đó được sự chấp thuận của gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Đăng ký kết hôn ngày 18/01/2013 tại UBND xã L, huyện P, tỉnh Vĩnh Long. Nữ trang cưới: 10 chỉ vàng 24K (gồm 01 đôi bông tai 01 chỉ, 01 dây chuyền 05 chỉ, 01

lắc tay 04 chỉ); trong thời gian chung sống vợ chồng thống nhất bán hết số vàng cưới để mướn đất trồng khoai nhưng đã thua lỗ, hiện nay không còn. Sau khi cưới vợ chồng về sống tại ấp N, xã L, huyện P, tỉnh Vĩnh Long, hạnh phúc được khoảng 04 năm; có 02 con chung: D, sinh ngày 19/9/2016 và N, sinh ngày 14/3/2019 hiện chị trực tiếp nuôi dưỡng. Trong thời gian chung sống vợ chồng không tạo lập được tài sản chung; không thiếu nợ ai và cũng không cho ai mượn nợ. Mâu thuẫn phát sinh dẫn đến ly hôn là do đầu năm 2019 vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, anh C ham mê cờ bạc, không quan tâm đến vợ con và có hành vi bạo lực gia đình, chị đã nhiều lần cho anh C cơ hội để sửa đổi nhưng anh C không sửa đổi được, đến tháng 4/2019 chị và con về nhà cha mẹ ruột ở và vợ chồng ly thân cho đến nay.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn anh C; về con chung: D, sinh ngày 19/9/2016 và N, sinh ngày 14/3/2019 chị yêu cầu được tiếp tục nuôi, yêu cầu anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng/con (Một triệu đồng trên một tháng trên một con) kể từ ngày Tòa án ra Bản án, Quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung tròn 18 tuổi; về quan hệ tài sản: tự thỏa thuận, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, chị không còn yêu cầu nào khác.

- Tại các biên bản hòa giải ngày 11/7/2019 và 05/8/2019 bị đơn anh C trình bày:

Anh thống nhất với trình bày của chị L về thời gian kết hôn, quá trình sống chung, vợ chồng anh có đăng ký kết hôn. Nữ trang cưới: 10 chỉ vàng 24K (gồm 01 đôi bông tai 01 chỉ, 01 dây chuyền 05 chỉ, 01 lắc tay 04 chỉ); trong thời gian chung sống vợ chồng thống nhất bán hết số vàng cưới để mướn đất trồng khoai nhưng đã thua lỗ, hiện nay không còn. Sau khi cưới vợ chồng về sống tại ấp N, xã L, huyện P, tỉnh Vĩnh Long, hạnh phúc được khoảng 04 năm; có 02 con chung: D, sinh ngày 19/9/2016 và N, sinh ngày 14/3/2019 hiện chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Trong thời gian chung sống vợ chồng không tạo lập được tài sản chung; không thiếu nợ ai và cũng không cho ai mượn nợ. Anh xác định anh có cờ bạc (chơi game bắn cá), có đánh vợ bằng tay 01 lần; vợ dẫn con về nhà cha mẹ ruột ở, anh có năn nỉ vợ cho anh cơ hội sửa chữa lỗi lầm nhưng vợ không đồng ý. Vợ chồng ly thân từ tháng 4/2019 cho đến nay. Hiện anh vẫn còn thương vợ, anh không đồng ý ly hôn.

Trường hợp Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn. Anh có ý kiến như sau: về con chung: D, sinh ngày 19/9/2016 và N, sinh ngày 14/3/2019 anh đồng ý để chị L tiếp tục nuôi, anh đồng ý có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng/con (Một triệu đồng trên một tháng trên một con) kể từ ngày Tòa án ra Bản án, Quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung tròn 18 tuổi; về quan hệ tài sản: tự thỏa thuận, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, anh không còn yêu cầu nào khác.

- Tại phiên tòa:

Chị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh C; chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung D, sinh ngày 19/9/2016 và N, sinh ngày 14/3/2019, chị yêu cầu

anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng/con (Một triệu đồng trên một tháng trên một con) kể từ ngày Tòa án ra Bản án, Quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung tròn 18 tuổi; về quan hệ tài sản: tự thỏa thuận, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, chị không còn yêu cầu nào khác.

Anh C không đồng ý ly hôn. Trường hợp Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn, anh đồng ý để chị L tiếp tục nuôi con chung: D, sinh ngày 19/9/2016 N, sinh ngày 14/3/2019, anh đồng ý có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng/con (Một triệu đồng trên một tháng trên một con) kể từ ngày Tòa án ra Bản án, Quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung tròn 18 tuổi; về quan hệ tài sản: tự thỏa thuận, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, anh không còn yêu cầu nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị L có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn anh C, anh C có nơi cư trú thuộc huyện P nên tranh chấp và quan hệ pháp luật thuộc thẩm quyền thụ lý và giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị L và anh C tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân giữa chị L và anh C là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị L là có cơ sở. Bởi lẽ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị và anh C là trầm trọng, không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị L xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh C, chị yêu cầu được ly hôn anh C. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị L được ly hôn anh C là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: D, sinh ngày 19/9/2016 và N, sinh ngày 14/3/2019. Chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con, yêu cầu anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng/con (Một triệu đồng trên một tháng trên một con) kể từ ngày Tòa án ra Bản án, Quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung tròn 18 tuổi; anh C đồng ý. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự; không trái pháp luật, đạo đức xã hội do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về chia tài sản: chị L và anh C tự thỏa thuận, không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí:

[3.1] Chị L phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[3.2] Anh C phải nộp án phí dân sự sơ thẩm (về cấp dưỡng) theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị L và anh C.

2. Về nuôi con chung:

2.1 Giao con chung D, sinh ngày 19/9/2016 và N, sinh ngày 14/3/2019 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2 Về cấp dưỡng nuôi con: Anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng/con (Một triệu đồng trên một tháng trên một con) kể từ ngày Tòa án ra Bản án, Quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình; đồng thời người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về chia tài sản: chị L và anh C tự thỏa thuận, không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

4.1 Chị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* do chị L nộp theo biên lai thu số 0011001 ngày 13/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân. Vậy chị L đã nộp đủ.

4.2 Anh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về cấp dưỡng) là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Kim Ngân

Nơi nhận:
- TAND T. Vĩnh Long;
- VKSND H. Bình Tân;
- Chi cục THADS H. Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu.